

Số: ~~478~~/TTTr-BDT

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 10 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ (Nước Y),
xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2013/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 1093/UBND-ĐNMMN ngày 15/03/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện đầu tư xây dựng các Dự án thuộc Chương trình định canh, định cư theo Quyết định 33/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn thực hiện chính sách định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số từ nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ (Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ;

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ (Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ với những nội dung sau:

I. Mô tả tóm tắt dự án.

1. Tên dự án: Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ (Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ.

2. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 10.720.756.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn)

* Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.911.928.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	99.291.000 đồng
- Chi phí bồi thường GPMB:	1.949.616.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	143.945.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	658.680.000 đồng
- Chi phí khác:	539.622.000 đồng
- Dự phòng:	417.674.000 đồng.

3. Tên chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đơn vị thực hiện quản lý: Ban quản lý dự án 33

5. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương.

6. Thời gian thực hiện dự án: 2016.

7. Địa điểm xây dựng: thôn Nước Nẻ (Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, Cấp IV.

9. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng.

9.1. Đường giao thông:

- Loại đường (Theo TCVN 10380:32014)

+ Đường giao thông ngoại vùng: Đường giao thông nông thôn loại B;

+ Đường giao thông nội vùng: Đường giao thông nông thôn loại C;

- Chiều dài tuyến:

+ Đường giao thông ngoại vùng: L = 219,67m

+ Đường giao thông nội vùng: L = 440,07m

- Mặt cắt ngang đường:

+ Đường giao thông ngoại vùng: Bề rộng nền đường $B_n = 5,0\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_m = 3\text{m}$; Bề rộng lề đường $B_l = 0,5\text{m} \times 2$

+ Đường giao thông ngoại vùng: Bề rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$; Bề rộng lề đường $B_l = 0,75\text{m} \times 2$

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 6,71\%$; dốc ngang mặt đường $I_m = 2\%$; lề đường $I_l = 4\%$.

9.2. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền: San nền toàn bộ khu đất, tổng diện tích đất san nền khoảng: 16.491m^2 . Tổng khối lượng đất đắp san nền $8.048,39\text{m}^3$, tổng khối lượng đất đào nền $34.034,22\text{m}^3$, tận dụng đất đào để đắp.

b. Thoát nước dọc: Thiết kế mương hộp bề rộng B300, tổng chiều dài $908,2\text{m}$

c. Gia cố mái taluy: Gia cố mái taluy xung quanh khu đất, tổng diện tích mái khoảng $214,48\text{m}^2$

d. Giếng nước:

- Thiết kế giếng đào sâu 10m , tổng số lượng 10 cái.

đ. Cọc phân lô: Có 62 cọc phân lô đôi và 16 cọc phân lô đơn.

9.3. Cấp điện: Đường dây 22KV 3 pha xây dựng mới dài 430m

- 01 trạm biến áp với công suất 30KVA-22/0.4KV

- Đường dây 0.4KV xây dựng mới dài $447,5\text{m}$.

10. Diện tích chiếm đất: Khoảng 20.539m^2

II. Phần công việc đã thực hiện.

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt (nếu có)
1	Tư vấn khảo sát xây dựng (Giai đoạn lập BCKTKT)	Liên danh Công ty CPĐT&XD Miền Trung và Công ty CP tư vấn XD&XL Miền Trung	226.595.754	Số 2201/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi
2	Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng dự án	Liên danh Công ty CPĐT&XD Miền Trung và Công ty CP tư vấn XD&XL Miền Trung	213.242.891	Số 2201/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi

3	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Bản vẽ thi công và dự toán (cơ quan QLNN)	Sở Xây dựng; Sở GTVT; Sở Công thương	18.686.993	
Tổng cộng giá trị thực hiện, giá hợp đồng: 458.525.638 đồng				

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

Bảng số 2

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Quản lý dự án	Ban quản lý DA 33	143.945.000
2	Chi phí bồi thường	Trung tâm TPQĐ tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh huyện Ba Tơ	1.949.616.000
3	Thẩm định HSMT, HSDT		7.226.387
4	Thẩm tra quyết toán	Sở Tài chính	40.170.000
5	Dự phòng		417.673.000
Tổng cộng giá trị thực hiện: 2.558.630.387 đồng			

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Bảng số 3

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Lập HSMT và phân tích đánh giá HSDT	14.452.774	Vốn ngân sách Trung ương	Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	30 ngày
2	Gói thầu số 02: Trích đo bản đồ địa chính	46.460.000		Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	40 ngày
3	Gói thầu số 03: Lập kế hoạch	70.000.000		Chỉ định		Quý IV/2016	Trọn gói	30 ngày

	bảo vệ môi trường		theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày/4/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ	thầu				
4	Gói thầu số 04: Giám sát thi công xây dựng	165.155.292		Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	Theo tiến độ thi công
5	Gói thầu số 05: Toàn bộ phần thi công xây dựng các hạng mục dự án (Bao gồm chi phí thiết bị, hạng mục chung và chi phí nghiệm thu hệ thống điện)	7.250.958.472		Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2016	Trọn gói	180 ngày (6 tháng)
6	Gói thầu số 06: Bảo hiểm công trình	13.703.747		Chỉ định thầu		Quý IV/2016	Trọn gói	Từ ngày khởi công đến hết thời gian bảo hành công trình
7	Gói thầu số 07: Kiểm toán công trình	132.870.000		Chỉ định thầu		Quý I/2017	Trọn gói	60 ngày
Tổng cộng giá các gói thầu		7.693.600.285						

2. Giải trình nội dung kế hoạch đấu thầu

a) Cơ sở phân chia các gói thầu:

Căn cứ vào tính chất công việc, quy mô và vị trí xây dựng công trình để đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật, công nghệ của dự án. Việc phân chia dự án thành các gói thầu như trên căn cứ vào tính chất của từng hạng mục công việc có tính độc lập với nhau, bảo đảm khi tổ chức đấu thầu và thực hiện hợp đồng phù hợp với tiến độ dự án.

b) Giá gói thầu: 7.693.600.285 đồng

c) Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu

Đối với gói thầu số 01,02,03,04,06 và 07 là những gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thông thường, có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng nên áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Đối với gói thầu số 05 là gói thầu xây dựng, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng nên áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, phương thức lựa chọn nhà thầu 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2016

e) Loại hợp đồng: Trọn gói

g) Thời gian thực hiện hợp đồng: 2016

V. Tổng giá trị các phần công việc:

TT	Nội dung công việc	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	458.525.638
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	2.558.630.387
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	7.693.600.285
Tổng giá trị các phần công việc		10.710.756.310
Tổng mức đầu tư của công trình		10.720.756.000

VI. Kiến nghị.

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Ban Dân tộc tỉnh đề nghị Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ (Nước Y), xã Ba Vinh, huyện Ba Tư để Ban Dân tộc tiến hành triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính;
- Các Phòng: KH, TT ban;
- Ban QLDA 33;
- VP: CVP, PCVP;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN



Hồ Văn Thế